

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2021.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Ghi nhận việc bà Lê Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi

hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 1.125.000 đồng. Bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị T mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền nêu trên. Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền là 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Lê Thị T phải chịu 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.395.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001973 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 832.500đ (Tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang